

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **506/2025/DS-PT**

Ngày: 26/8/2025

V/v tranh chấp hợp ủy quyền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Lâm Đồng;

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình;

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2025/TLPT-DS ngày 27/6/2025, về việc tranh chấp hợp đồng ủy quyền.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực B - Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 519/2025/QĐ-PT ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lê Ngọc P; Sinh năm 1976; Địa chỉ: Số C, H, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Số C, Hoàng Quốc V, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ). (vắng mặt)

*** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Ngọc P:**

+ Ông Huỳnh Phước C; Sinh năm 1986 (vắng mặt) và bà Nguyễn Ngọc Trúc P1; Sinh năm 1995 (có mặt); Cùng địa chỉ: Số F, đường B, Khu dân cư P, phường H, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Số F, đường B, Khu dân cư P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ), là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ngày 23/01/2025.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Y; Sinh ngày 16/5/1974. Địa chỉ: Số A, khu vực A, phường H, thành phố Cần Thơ. (Địa chỉ cũ: Số A, khu vực A, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ). (có mặt)

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Hoàng Y: Ông Huỳnh Chí T-luật sư của Công ty L thuộc Đoàn luật sư thành phố C; Địa chỉ Công ty: Số C N, Khu V, phường H, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Số C N, Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ). (có mặt)*

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Lê Ngọc P là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:*

Bà Nguyễn Lê Ngọc P có ký Giấy ủy quyền ngày 20/6/2024 (công chứng số 1356, quyền số 01/2024/TPCC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1) cho ông Nguyễn Hoàng Y để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất với phí dịch vụ là 50.000.000 đồng. Trước đó bà Nguyễn Lê Ngọc P có ký Giấy ủy quyền ngày 08/8/2022 (công chứng số 2663, quyền số 01/2022/TPCC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1) cho ông Nguyễn Hoàng Y để chuyển mục đích sử dụng đất lên thổ cư với phí dịch vụ là 35.000.000 đồng. Tổng cộng phí dịch vụ của 02 Hợp đồng là 85.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn mới thanh toán được 80.000.000 đồng. Cụ thể:

- Nguyên đơn đã đưa trước cho ông Y 50.000.000 đồng có Biên nhận ngày 02/12/2022.

- Ngày 20/4/2023 và ngày 24/10/2023, nguyên đơn tiếp tục đưa tiền cho ông Y thêm hai lần, mỗi lần 15.000.000 đồng, tổng hai lần là 30.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng sẽ thanh toán khi bị đơn hoàn thành các công việc được ủy quyền.

Nhưng đến nay nguyên đơn vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa được cơ quan chức năng cho chuyển mục đích sử dụng đất theo thỏa thuận. Nên nguyên đơn yêu cầu chấm dứt thực hiện cả 02 Giấy ủy quyền nêu trên. Yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Y trả lại 50.000.000 đồng đã nhận khi giao kết thực hiện 02 việc ủy quyền trên. Nguyên đơn tự nguyện giảm 30.000.000 đồng vì xét thực tế bị đơn cũng có công trực tiếp thực hiện công việc được ủy quyền nhưng không hoàn thành.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày như sau:*

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Y thừa nhận có thỏa thuận và đã ký 02 Giấy ủy quyền như nguyên đơn trình bày. Bị đơn trình bày đã thực hiện công việc theo Giấy ủy quyền ngày 08/8/2022 để chuyển mục đích sử dụng đất và Giấy ủy quyền ngày 20/6/2024 để đăng ký quyền sử dụng đất. Nhưng cả 02 công việc được ủy quyền không thực hiện hoàn thành theo thỏa thuận là do lỗi của bà P. Vì bà đã xây dựng trái phép lên phần đất đang xin đăng ký quyền sử dụng đất (có Biên lai xử phạt bà P 31.482.941 đồng, BL 24) và bà P yêu cầu định vị loại đất ODT tại vị trí đã xây dựng nhà trái phép nên không được cơ quan chức năng cho phép. Vì thế bị đơn cho rằng nguyên nhân không hoàn thành công việc được ủy quyền là do lỗi của bà P.

Tuy nhiên theo nội dung đã hòa giải và được giải thích pháp luật, bị đơn đồng ý chấm dứt thực hiện Giấy ủy quyền ngày 08/8/2022 để chuyển mục đích

sử dụng đất và Giấy ủy quyền ngày 20/6/2024 để đăng ký quyền sử dụng đất. Bị đơn chỉ đồng ý trả lại 50% số tiền đã nhận của 02 Hợp đồng ủy quyền với tổng số tiền là 40.000.000 đồng.

* Vụ án được Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực B - Cần Thơ) thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực B - Cần Thơ) quyết định:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 422, 427, 468, 562, 567 và 569 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Tuyên xử:

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự như sau: Bà Nguyễn Lê Ngọc P và ông Nguyễn Hoàng Y thống nhất chấm dứt thực hiện Giấy ủy quyền ngày 20/6/2024 (công chứng số 1356, quyền số 01/2024/TPCC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1) và Giấy ủy quyền ngày 08/8/2022 (công chứng số 2663, quyền số 01/2022/TPCC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lê Ngọc P. Buộc ông Nguyễn Hoàng Y có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Lê Ngọc P số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) khi án có hiệu lực.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 27/5/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Lê Ngọc P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST, ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực B – Cần Thơ) theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, buộc ông Y trả lại toàn bộ số tiền là 80.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

- Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Ngọc P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ như

sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Ngọc P là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Ngọc P và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Ngọc P lập và nộp cùng ngày 27/5/2025 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo nguyên đơn bà Nguyễn Lê Ngọc P theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Ngọc P, về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng Y trả lại số tiền 80.000.000 đồng. Xét thấy, hai Giấy ủy quyền ngày 08/8/2022 (công chứng số 2663, quyền 01/2022/TPCC-SCC/HĐGD) và ngày 20/6/2024 (công chứng số 1356, quyền 01/2024/TPCC-SCC/HĐGD) đều được lập bằng văn bản và có công chứng tại Văn phòng C1. Hình thức giấy uỷ quyền phù hợp tại Điều 562, Điều 563 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và được các bên thừa nhận trong hồ sơ, bản gốc hợp đồng được bị đơn cung cấp cho Tòa án. Các bên đương sự đã tự nguyện thống nhất chấm dứt hiệu lực của cả hai hợp đồng ủy quyền, nhận thấy việc thỏa thuận này không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ và đúng quy định.

[3] Về phạm vi ủy quyền và nghĩa vụ của các bên: Nội dung ủy quyền thể hiện bà P ủy quyền cho ông Y thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất cho bà P. Đây là hợp đồng ủy quyền có thù lao, bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc theo thỏa thuận quy định tại Điều 565 của Bộ luật Dân sự năm 2015, còn bên ủy quyền có nghĩa vụ cung cấp thông tin, giấy tờ hợp pháp và trả thù lao tương ứng theo quy định tại Điều 567, Điều 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong hồ sơ vụ án cho thấy bị đơn ông Y đã thực hiện nhiều công việc theo ủy quyền như nộp hồ sơ đo đạc, lập mô tả ranh

giới – mốc giới (trong các ngày 17/11/2022; 18/6/2024), phiếu nhận hồ sơ đo đạc ngày 17/5/2023, cùng các tờ tường trình nguồn gốc đất do chính bà P lập (BL 20-23, 27-30), thể hiện ông Y đã thực hiện các công việc ủy quyền từ năm 2022 đến năm 2024 nhưng chưa thực hiện được theo các yêu cầu của bà P.

[4] Về nguyên nhân không hoàn thành công việc ủy quyền: Chứng cứ trong hồ sơ thể hiện nguyên nhân dẫn đến việc ông Y không thể hoàn thành các công việc theo yêu cầu của bà P xuất phát từ phía người ủy quyền là bà P đã xây dựng trái phép trên phần đất đang xin đăng ký và yêu cầu định vị loại đất ODT tại vị trí xây dựng trái phép, dẫn đến cơ quan có thẩm quyền không chấp thuận. Ngoài ra, bà P còn bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với số tiền 31.482.941 đồng theo biên lai số 0439543 ngày 15/02/2024 (BL 24). Các tình tiết này đã được cấp sơ thẩm thẩm tra, ghi nhận và là chứng cứ trực tiếp về lỗi của người ủy quyền tức lỗi của bà P trong việc làm cho công việc ủy quyền không thể hoàn thành.

[5] Về hậu quả pháp lý khi hợp đồng ủy quyền không thể tiếp tục: Tại phiên tòa sơ thẩm và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà P khởi kiện nhưng không xuất trình được bất kỳ chứng cứ gốc nào; toàn bộ tài liệu cung cấp chỉ là bản sao, bản photo nên không đảm bảo giá trị chứng minh theo quy định pháp luật. Đồng thời, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nào ở cấp phúc thẩm để chứng minh lỗi thuộc về bị đơn. Trong khi đó, bị đơn ông Y đã nộp bản gốc 02 Giấy ủy quyền (ngày 08/8/2022 và ngày 20/6/2024) cùng 02 Biên nhận tiền (ngày 15/6/2022 và ngày 02/12/2022). Các Giấy ủy quyền không thể hiện thỏa thuận về điều kiện hoàn trả, phạt vi phạm hay bồi thường khi công việc không hoàn thành; còn các Biên nhận chỉ ghi nhận mức thù lao chung cho 02 dịch vụ là 85.000.000 đồng. Thực tế, việc công việc ủy quyền không thể hoàn tất xuất phát từ lỗi của bà P khi vi phạm quy định về đất đai, dẫn đến hồ sơ không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Do đó, bà P yêu cầu buộc ông Y hoàn trả toàn bộ số tiền 80.000.000 đồng mà bà P đã giao là không có cơ sở pháp lý để chấp nhận. Theo Điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng chấm dứt khi công việc không thể thực hiện; trong trường hợp lỗi thuộc về người ủy quyền thì không thể buộc bên được ủy quyền phải hoàn trả toàn bộ thù lao đã nhận. Đồng thời, Điều 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định khi chấm dứt hợp đồng ủy quyền, bên ủy quyền vẫn phải thanh toán thù lao tương ứng với phần công việc mà bên được ủy quyền đã thực hiện hợp pháp. Đối chiếu với Điều 567 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nghĩa vụ thanh toán này là bắt buộc và phù hợp với thực tế. Tại cấp sơ thẩm, ông Y tự nguyện trả lại 40.000.000 đồng trong tổng số 80.000.000 đồng đã nhận, phần 40.000.000 đồng còn lại được xác định là thù lao hợp pháp tương ứng công sức, chi phí và công việc đã thực hiện. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà P và ghi nhận sự tự nguyện của ông Y là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, chấp nhận

đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Ngọc P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên nguyên đơn bà Nguyễn Lê Ngọc P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308, Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Ngọc P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực B - Cần Thơ) cụ thể như sau:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 422, 427, 468, 562, 567 và 569 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm.

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự như sau: Bà Nguyễn Lê Ngọc P và ông Nguyễn Hoàng Y thống nhất chấm dứt thực hiện Giấy ủy quyền ngày 20/6/2024 (công chứng số 1356, quyển số 01/2024/TPCC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1) và Giấy ủy quyền ngày 08/8/2022 (công chứng số 2663, quyển số 01/2022/TPCC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lê Ngọc P. Buộc ông Nguyễn Hoàng Y có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Lê Ngọc P số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Nguyễn Hoàng Y phải chịu án phí có giá ngạch số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- Nguyên đơn Nguyễn Lê Ngọc P phải chịu án phí có giá ngạch số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004136 ngày 06/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C. Bà Nguyễn Lê Ngọc P đã thực hiện xong.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Lê Ngọc P chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001627 ngày 03/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực B - thành phố Cần Thơ).

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND khu vực B-Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực B – TP.Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Lâm Đồng

